

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC THẨM ĐỊNH

CHUYÊN ĐỀ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 27/2013/NĐ-CP

TÌNH HÌNH THẨM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Theo Nghị định số 27/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ

NỘI DUNG

1

Căn cứ pháp lý

2

Tình hình thẩm định, chứng nhận Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ QTMT

3

Các kết quả đạt được

4

Định hướng trong thời gian tới

Căn cứ pháp lý

1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2005:

- Khoản 3 Điều 97

2. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014:

- Điều 126

3. Nghị định số 27/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013; **Nghị định số 127/2014/NĐ-CP** ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

4. Thông tư số 42/2013/TT-BTNMT ngày 03/12/2013; **Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT** ngày 23/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

5. Thông tư số 52/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.



Căn cứ pháp lý

2. Căn cứ đánh giá, thẩm định

- **Điều kiện về pháp nhân, lĩnh vực hoạt động**

- Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2013/NĐ-CP.

- Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP.

- **Điều kiện về nhân lực thực hiện**

- Khoản 2 Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2013/NĐ-CP.

- Khoản 2 Điều 8 và Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP.

- **Điều kiện về trang thiết bị, phương pháp và cơ sở vật chất thực hiện hoạt động quan trắc môi trường**

- Khoản 3 Điều 9 và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 27/2013/NĐ-CP.

- Khoản 3 Điều 8 và Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP.

2. Căn cứ đánh giá, thẩm định

Về phương pháp thử:

- Khoản 3 Điều 9 và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 27/2013/NĐ-CP
- Khoản 3 Điều 8 và Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP
(Đảm bảo độ chính xác và theo đúng phương pháp quan trắc, phân tích do Bộ TN&MT quy định).

+ **Không khí xung quanh và môi trường lao động:** Thông tư số 28/2011/TT-BTNMT; QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2008/BTNMT

+ **Khí thải:** QCVN 19:2009/BTNMT ; QCVN 20:2009/BTNMT; QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 22:2009/BTNMT ; QCVN 23:2009/BTNMT; QCVN 30:2010/BTNMT; QCVN 34:2010/BTNMT ; QCVN 52:2013/BTNMT,...

+ **Tiếng ồn:** Thông tư số 28/2011/TT-BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT

+ **Độ rung:** QCVN 27:2010/BTNMT

+ **Nước mặt:** Thông tư số 29/2011/TT-BTNMT; QCVN 08:2009/BTNMT; QCVN 38:2011/BTNMT; QCVN 39:2011/BTNMT.

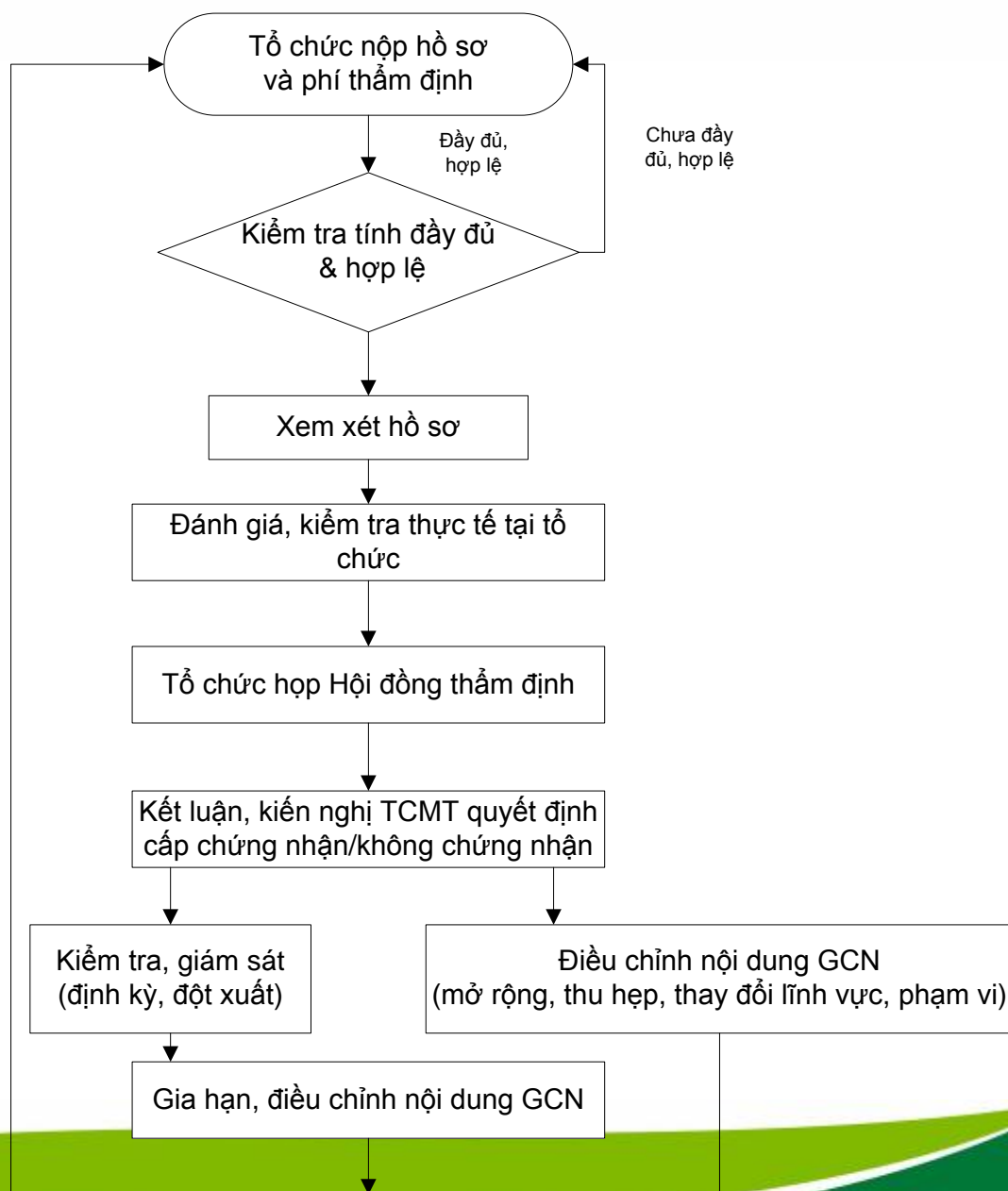
2. Căn cứ đánh giá, thẩm định

Về phương pháp thử (tiếp)

- + **Nước dưới đất:** Thông tư số 30/2011/TT-BTNMT; QCVN 08:2009/BTNMT;
- + **Nước biển:** Thông tư số 31/2011/TT-BTNMT; QCVN 10:2009/BTNMT;
- + **Nước mưa:** Thông tư số 32/2011/TT-BTNMT;
- + **Nước thải:** QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 28:2011/BTNMT; QCVN 40:2012/BTNMT...
- + **Đất:** Thông tư số 33/2011/TT-BTNMT; QCVN 03:2008/BTNMT; QCVN 15:2008/BTNMT;
- + **Trầm tích:** QCVN 43:2012/BTNMT;
- + **Bùn thải:** QCVN 50:2013/BTNMT;
- + **Chất thải:** QCVN 07:2009/BTNMT;
- **Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT** ngày 19/12/2012 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định việc bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng hoạt động quan trắc môi trường.

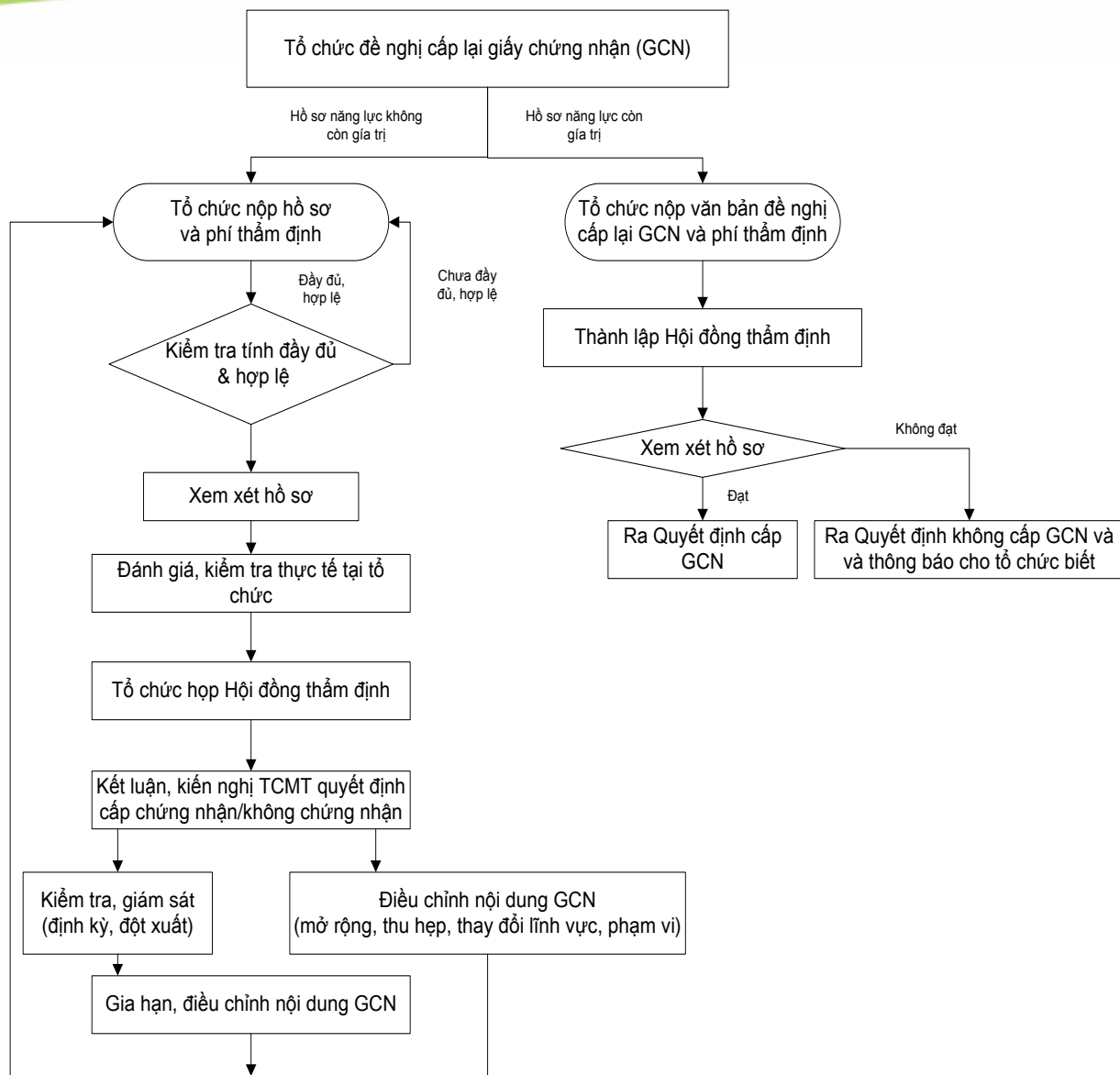
Căn cứ pháp lý

2. Quy trình thẩm định phục vụ việc cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận



Căn cứ pháp lý

2. Quy trình thẩm định phục vụ việc cấp lại giấy chứng nhận



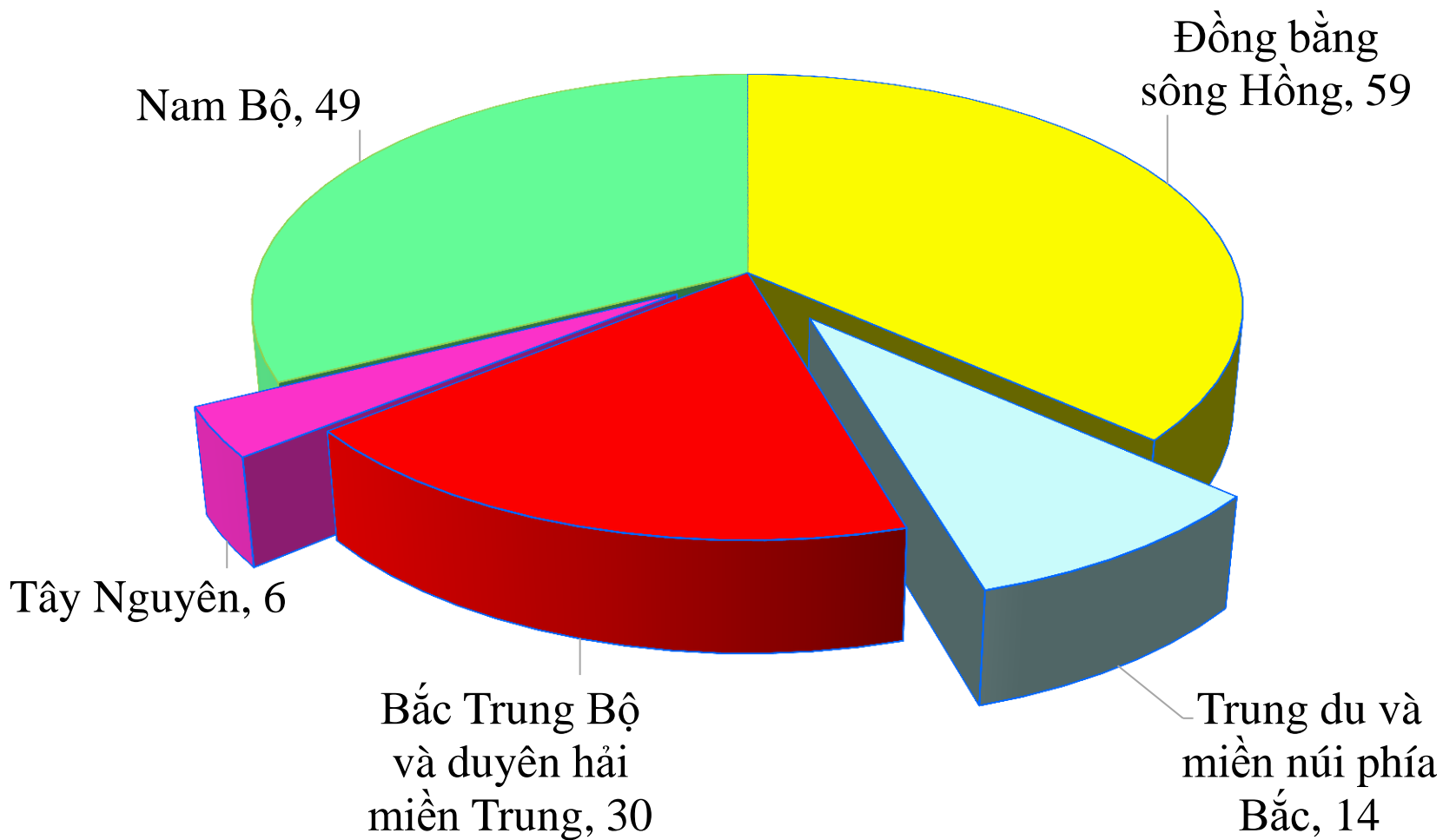
Tình hình thực hiện thẩm định, chứng nhận

1. Tiếp nhận Hồ sơ và Đơn đề nghị chứng nhận

Phân loại Hồ sơ đã tiếp nhận theo khu vực địa lý

TT	Khu vực địa lý	Số lượng Hồ sơ
1	Đồng bằng sông Hồng	59
2	Trung du và miền núi phía Bắc	14
3	Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	30
4	Tây Nguyên	06
5	Nam Bộ	49
	Tổng cộng:	158

Phân loại Hồ sơ đã tiếp nhận theo khu vực địa lý



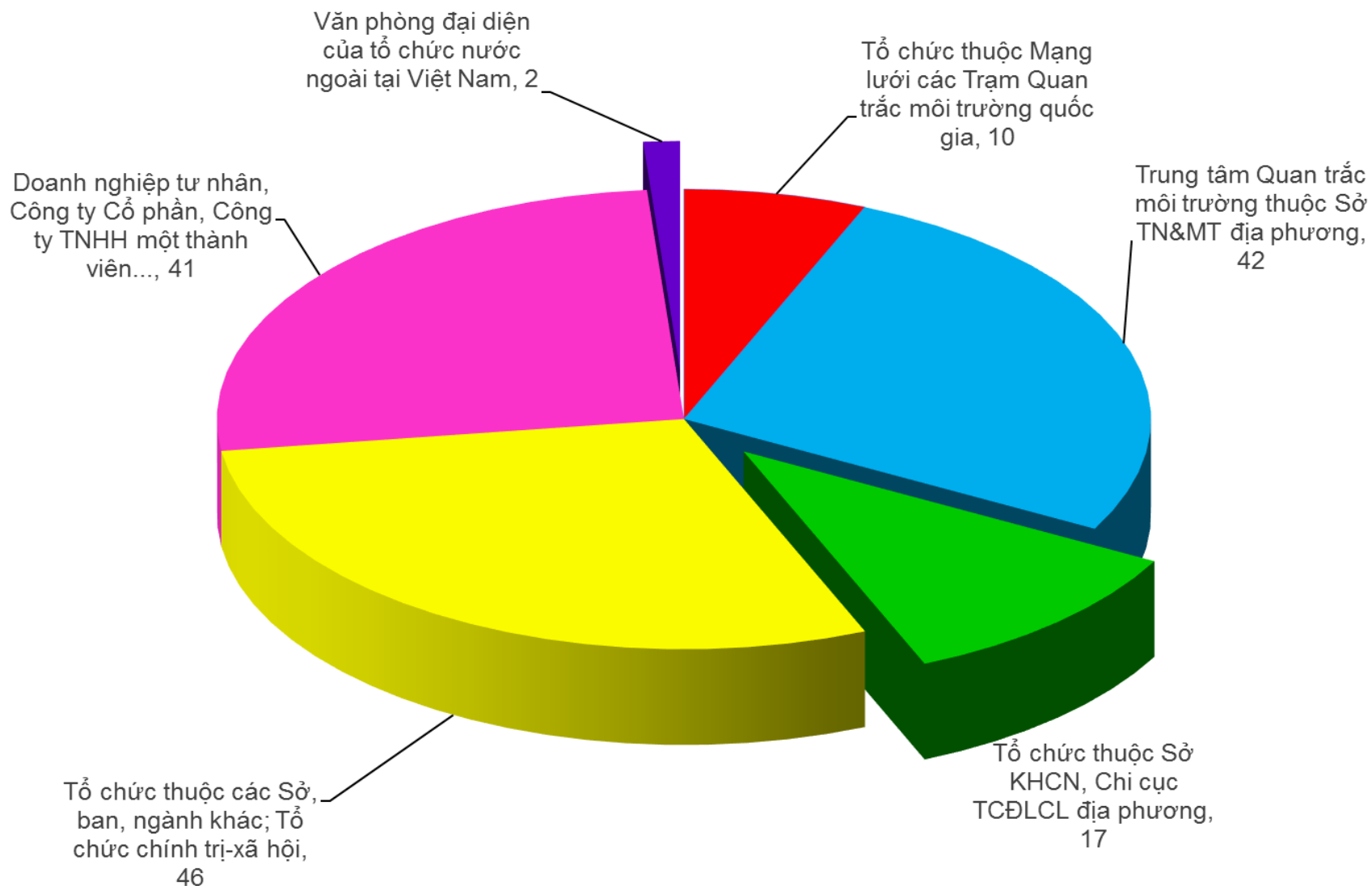
Tình hình thực hiện thẩm định, chứng nhận

1. Tiếp nhận Hồ sơ và Đơn đề nghị chứng nhận (tính đến ngày 30/5/2015)

Phân loại Hồ sơ đã tiếp nhận theo loại hình của Tổ chức

TT	Loại hình của Tổ chức	Số lượng hồ sơ
1	Tổ chức thuộc Mạng lưới các Trạm Quan trắc môi trường quốc gia	10
2	Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở TN&MT địa phương	42
3	Tổ chức thuộc Sở KH&CN, Chi cục TC&DLCL địa phương	17
4	Tổ chức thuộc các Sở, ban, ngành khác; Tổ chức chính trị-xã hội	46
5	Doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH một thành viên...	41
6	Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	02
	Tổng cộng	158

Phân loại Hồ sơ đã tiếp nhận theo loại hình của Tổ chức



Tình hình thực hiện thẩm định, chứng nhận

2. Tình hình đánh giá, chứng nhận (tính đến ngày 30/5/2015)

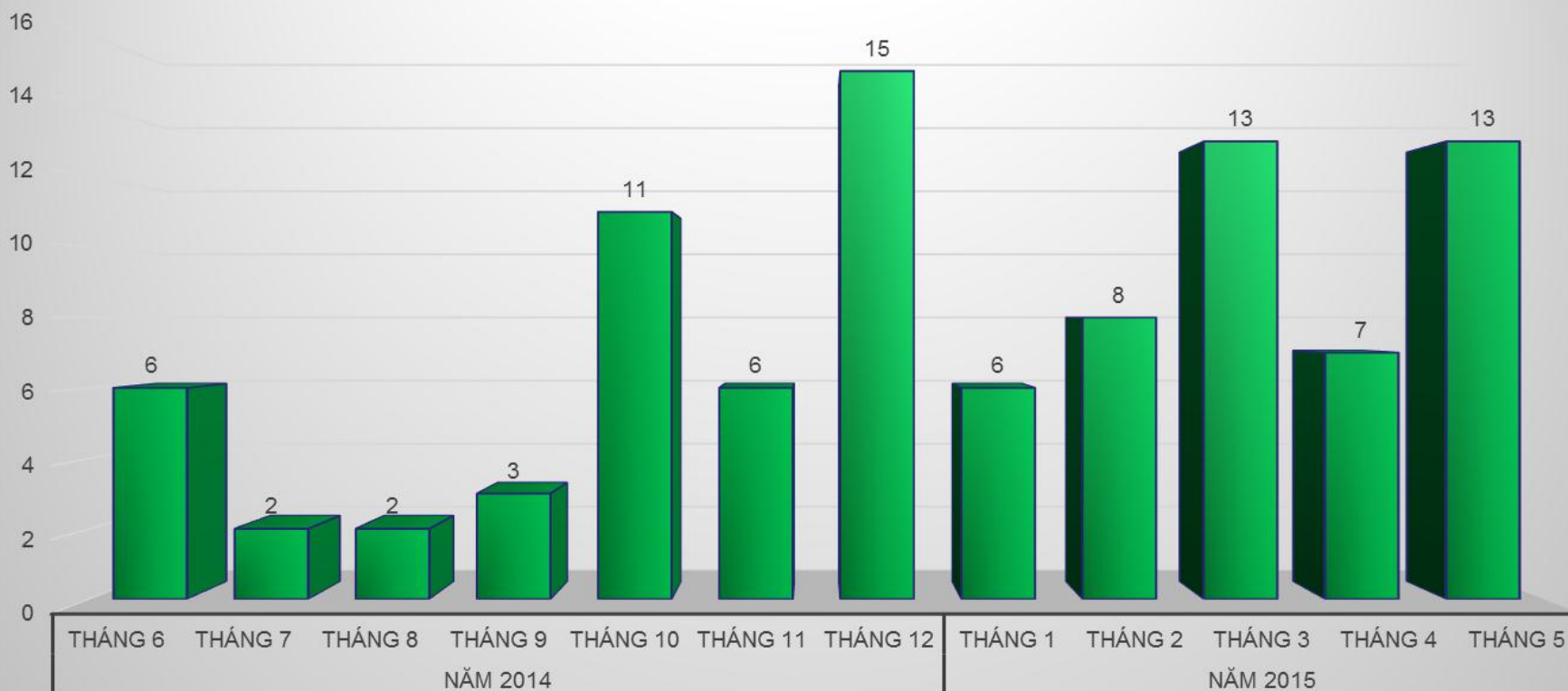
Phân loại Hồ sơ đã tiếp nhận theo khu vực địa lý

TT	Khu vực địa lý	Số lượng Hồ sơ tiếp nhận	Số Tổ chức đã kiểm tra, đánh giá	Số Tổ chức đã thẩm định	Số Tổ chức đã cấp GCN
1	Đồng bằng sông Hồng	59	37	34	33
2	Trung du và miền núi phía Bắc	14	10	09	09
3	Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	30	18	17	17
4	Tây Nguyên	06	03	03	03
5	Nam Bộ	49	34	31	30
	Tổng cộng:	158	102	94	92

Tình hình thực hiện thẩm định, chứng nhận

2. Tình hình đánh giá, chứng nhận (tính đến ngày 30/5/2015)

Biểu đồ thống kê các đơn vị được cấp theo tháng đến ngày 30/05/2015



Danh sách các Tổ chức đã được chứng nhận

Tính đến 30/5/2015 đã có 92 Tổ chức đã được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Danh sách các Tổ chức được chứng nhận được cập thường xuyên trên cổng thông tin điện tử:

<http://vea.gov.vn/vn>

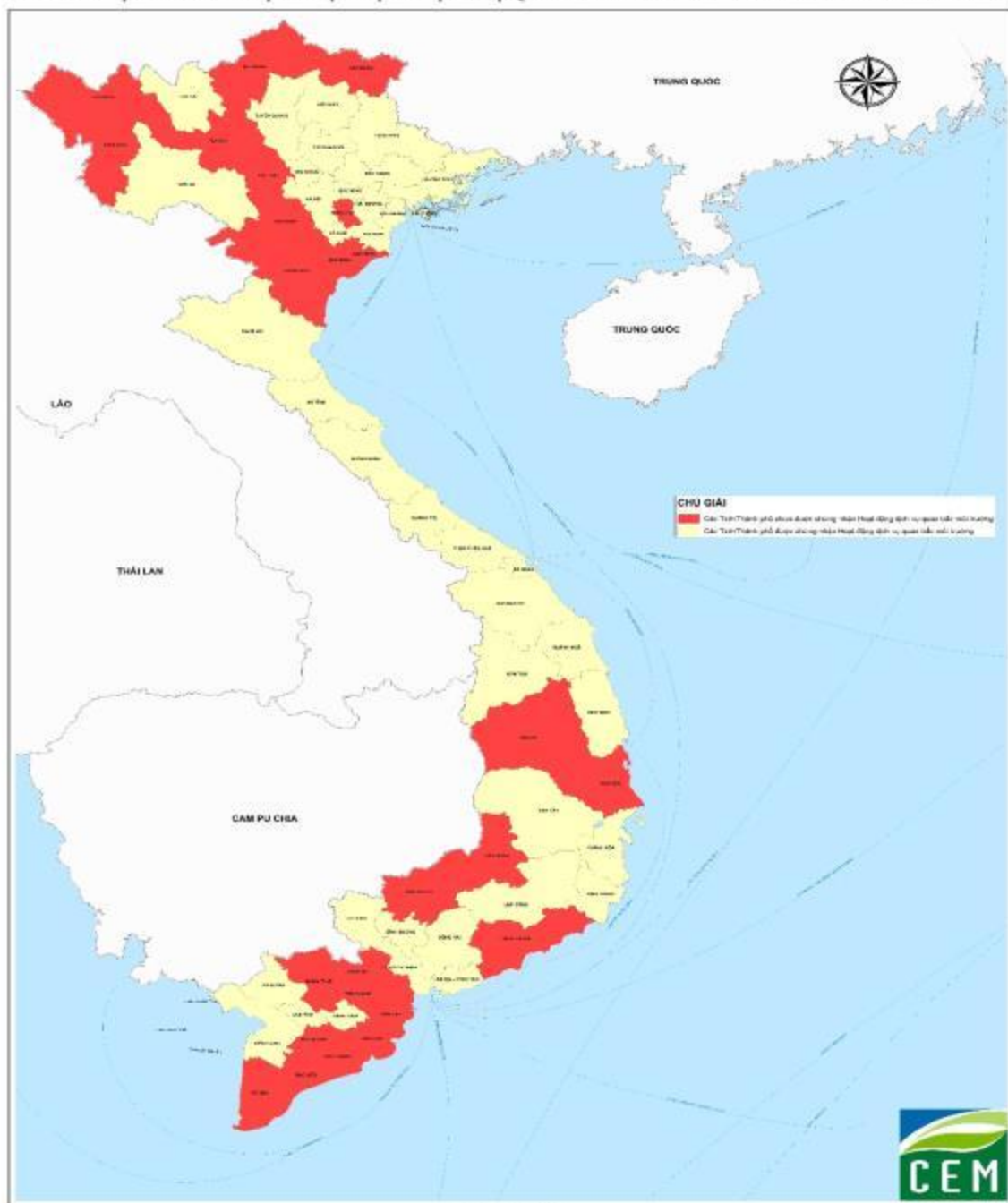
<http://www.quantracmoitruong.gov.vn>

Bản đồ phân bố các Tổ chức được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo tỉnh/thành phố

• Chú thích:

- **Màu đỏ:** 25 tỉnh/thành phố chưa có Tổ chức được thẩm định, chứng nhận;

- **Màu vàng:** 38 tỉnh/thành phố đã có Tổ chức được thẩm định, chứng nhận.



Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại

- Hồ sơ năng lực được lập còn thiếu thông tin, chưa làm rõ lĩnh vực và phạm vi đề nghị chứng nhận (*thiếu bằng cấp của Người đứng đầu; không đăng ký lấy mẫu, QT hiện trường; danh mục thiết bị không đủ để thực hiện QT&PT các thông số đề nghị chứng nhận; đăng ký thông số, ví dụ COD, trong thành phần Nước mà không rõ loại mẫu Nước là Nước mặt, Nước biển, Nước thải...*)
- Pháp nhân của một số Tổ chức chưa đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 10, Nghị định số 27/2013/NĐ-CP
 - ➔ Chặng hạn, chỉ có chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực đăng ký kinh doanh về: tư vấn môi trường; tư vấn lập báo cáo môi trường; tư vấn đánh giá tác động môi trường....;
- Diện tích, trụ sở của một số Tổ chức còn chật hẹp: không đủ để bố trí các phòng diện tích đặc thù (*kho hóa chất, phòng cân phân tích, phòng phân tích vi sinh...*);
- Cán bộ của một số Tổ chức còn chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên ngành đào tạo và kinh nghiệm công tác;
- Công tác QA/QC chưa được quan tâm, chú trọng thực hiện. Nhiều Tổ chức không có kế hoạch, thực hiện và đánh giá việc thực hiện mẫu QC;

Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Diện tích, trụ sở của một số Tổ chức còn chật hẹp: không đủ để bố trí các phân diện tích đặc thù (*kho hóa chất, phòng cân phân tích, phòng phân tích vi sinh...*);



Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Phương pháp QT&PT các thông số môi trường đề nghị chứng nhận không tuân thủ các quy định của Bộ TN&MT; chưa phù hợp với phạm vi áp dụng của phương pháp; hoặc phương pháp áp dụng đã hết hiệu lực, đã được thay thế, thiếu phương pháp xử lý mẫu (Đất, trầm tích, bùn thải, CTR)....
- Một số thông số Tổ chức đề nghị chứng nhận nhưng kết quả đánh giá không đạt do thiết bị được đầu tư chưa bảo đảm thực hiện các hoạt động lấy mẫu, đo đạc ngoài hiện trường; xử lý và phân tích trong phòng thí nghiệm theo đúng yêu cầu kỹ thuật tại các Thông tư, QCVN hiện hành:
 - Bơm lấy mẫu bụi, khí không đạt yêu cầu về lưu lượng;
 - AAS chỉ có ngọn lửa, không có lò graphit;
 - Có thiết bị phân tích CTR/CTNH nhưng không có thiết bị phá mẫu/xử lý mẫu;
- Một số Tổ chức đã đầu tư thiết bị đắt tiền, hiện đại nhưng chưa đề nghị chứng nhận do: chưa sử dụng, chưa sử dụng thành thạo hoặc không có khách hàng yêu cầu (lấy mẫu isokinetic, ICP/MS, ICP OES, GC/MS, GC/ECD, GC/FID, GC/MSMS...).

Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Việc đánh giá phương pháp (verification), xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp (validation) chưa đầy đủ cho các nền mẫu môi trường - thường chỉ làm trên mẫu trắng nên công bố MDL, U chưa chính xác...;
- Các PTN thường công bố MDL tốt hơn nhiều so với phương pháp tiêu chuẩn;
- SOP viết còn sơ sài, không đầy đủ thông tin do chỉ lấy nội dung của phương pháp tiêu chuẩn đưa vào;
- Một số thông số môi trường được Bộ TN&MT quy định trong các Thông tư, QCVN và Tổ chức có thiết bị và khả năng phân tích (Dư lượng TBVTV, Dầu mỡ...) nhưng Tổ chức không đăng kí chứng nhận. Trong khi Tổ chức lại đăng ký những thông số không thuộc phạm vi chứng nhận của Bộ TN&MT (theo yêu cầu của khách hàng);

Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Hoạt động quan trắc tại hiện trường không để lại bằng chứng thực hiện (thiếu Biên bản, nhật ký lấy mẫu; Biên bản đo, thử nghiệm tại hiện trường; Biên bản thực hiện mẫu QC, đo dung dịch chuẩn...).
- Nhật ký quan trắc hiện trường còn sơ sài, thiếu các thông tin cơ bản về phương pháp quan trắc, lưu lượng hút mẫu, thời gian lấy mẫu, lấy mẫu tổ hợp hay mẫu đơn, phương pháp bảo quản (lạnh, hóa chất...), điều kiện thời tiết lúc quan trắc,...



Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề hạn chế, tồn tại (tiếp)

SO: _____

Địa chỉ: số 17 Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 Địa chỉ: 17 Le Loi Street, My Binh Ward, Long Xuyen City, An Giang Province.
 Tel: 0761.954304
 Fax: 0761.954303
 Email: agtce07@gmail.com

BIÊN BẢN THU MẪU MÔI TRƯỜNG
(record of environmental samples)

Căn cứ theo hợp đồng số 21. HKKT-2015 đã ký kết ngày 11.01.15 về việc thu mẫu tại

Hôm nay, ngày 09.10.2015, chúng tôi tiến hành tổ chức thu và phân tích mẫu:

- Tên mẫu:
- Đơn vị được lấy mẫu: TRƯỜNG MẦM MỸ AN
- Người lấy mẫu: Trương Văn Khoa
- Đại diện đơn vị được lấy mẫu:
- Đặc trưng mẫu được lấy đại diện cho:

Số TT	Ký hiệu mẫu	Tên và vị trí thu mẫu	Thời gian thu mẫu	Số lượng mẫu được lấy (lít)	Tiêu chuẩn (QC) số sánh	Ghi chú
1	KK ₁	Nước thải đầu xả (chưa xử lý)				KK1
2	KK ₂	Nước thải đầu xả (sau xử lý)				KK2
3	KK ₃	Nước ngọt tại đầu xả				KK3
4		thải				
5	KK ₄	Trong khuôn viên nhà máy				KK4
6	KK ₅	Tại nhà dân cách 50m				KK5
7	KK ₆	Tại nhà dân cách 100m				KK6
8						

6. Biên bản thu mẫu theo hợp đồng giám sát môi trường đợt (nếu có):

7. Tình trạng mẫu:

8. Các chỉ tiêu phân tích:
 Mẫu nước (nếu có): PH: 7.5; COD: 60; TSS: 14; Dầu mỡ: 0.1; Clo dư: 0.1; ...

Mẫu không khí (nếu có): CO: 0.0; SO₂: 0.0; NO₂: 0.0; ...

Biên bản này được lập thành (bản) có giá trị pháp lý như nhau, bên thu mẫu giữ 01 bản, đơn vị yêu cầu thu mẫu giữ 01 bản (nếu có) và đơn vị được thu mẫu giữ 01 bản.

ngày 12 tháng 10 năm 2015

DD. ĐƠN VỊ ĐƯỢC THU MẪU DD. CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGƯỜI THU MẪU NGƯỜI NHẬN MẪU

Địa chỉ: số 17 Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 Địa chỉ: 17 Le Loi Street, My Binh Ward, Long Xuyen City, An Giang Province.
 Tel: 0761.954304
 Fax: 0761.954303
 Email: agtce07@gmail.com

BIÊN BẢN THU MẪU MÔI TRƯỜNG
(record of environmental samples)

KIỂM SOÁT
Ngày 09/10/2015

Căn cứ theo hợp đồng số 21. HKKT-2015 đã ký kết ngày 11.01.15 về việc thu mẫu tại

Hôm nay, ngày 09.10.2015, chúng tôi tiến hành tổ chức thu và phân tích mẫu:

- Tên mẫu:
- Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Cổ phần Điện Cơ Phát Minh Châu
- Người lấy mẫu: Trương Văn Khoa
- Đại diện đơn vị được lấy mẫu:
- Đặc trưng mẫu được lấy đại diện cho:

Số TT	Ký hiệu mẫu	Tên và vị trí thu mẫu	Thời gian thu mẫu	Số lượng mẫu được lấy (lít)	Tiêu chuẩn (QC) số sánh	Ghi chú
1	KK ₁	Tại khu vực sản xuất				
2	KK ₂	Tại nhà dân gần nhất				
3						
4						
5						
6						
7						
8						

6. Biên bản thu mẫu theo hợp đồng giám sát môi trường đợt (nếu có):

7. Tình trạng mẫu:

8. Các chỉ tiêu phân tích:
 Mẫu nước (nếu có):

Mẫu không khí (nếu có): CO: 0.0; SO₂: 0.0; NO₂: 0.0; ...

Biên bản này được lập thành (bản) có giá trị pháp lý như nhau, bên thu mẫu giữ 01 bản, đơn vị yêu cầu thu mẫu giữ 01 bản (nếu có) và đơn vị được thu mẫu giữ 01 bản.

ngày 06 tháng 10 năm 2015

DD. ĐƠN VỊ ĐƯỢC THU MẪU DD. CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGƯỜI THU MẪU NGƯỜI NHẬN MẪU

(Nếu có)

Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Phiếu trả kết quả: khá nhiều PTN còn nhầm lẫn MDL, LOQ và RL nên phiếu trả kết quả nhiều khi không đồng nhất RL, thậm chí còn viết KPH mà có hoặc không có giải thích; không có thông tin về điều kiện tiêu chuẩn (25°C, 1 atm...);

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

Địa chỉ khách hàng / Customer: Ag 8, xã Lạc Ngạo, huyện Thành Phố, tỉnh Đồng Tháp
 Địa chỉ / Address: 120112011 Ngày trả kết quả / Date of issue: 12/01/2012
 Ngày nhận mẫu / Date of receiving: Ngày nhận / Date of issue
 Loại mẫu / Kind of sample: Mẫu đất
 Tên mẫu / Name of sample: Đất san lấp Aseanbank
 Thời gian mẫu / Date of sample: Đất ứng dụng trong các công trình
 Kết quả / Result:

STT / No.	CƠ THỂ THỬ NGHIỆM / PARAMETERS	ĐƠN VỊ / UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ / TEST METHOD	KẾT QUẢ / RESULT
1	Amô (NH ⁴⁺)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	0.0042
2	Bari (BaCo)	mg/L	SME/WW 3115:2012 / OCFMS	0.000
3	Bạc (Ag) (*)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	Không phát hiện (LOD=0.02)
4	Canxi (Ca) (*)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	Không phát hiện (LOD=0.0005)
5	Chì (Pb) (*)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	Không phát hiện (LOD=0.002)
6	Coban (Co) (*)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	Kẽm (Zn) (*)	mg/L	TCVN 9239:2012 / SMO/WW 3111B : 2012	0.003

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Mã số: NT/0011901

Ngày nhận mẫu: 11/01/2012
 Ngày trả kết quả: 20/01/2012
 Số lượng mẫu: 01

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	KẾT QUẢ MẪU
				NT (NT.001.VK/2012)
1	Đầu mìn ĐTV	mg/l	Ref: TCVN 9239:2009	KPH
2	CN	mg/l	TCVN 6181:1996	KPH

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
 - Chất thử lưu trữ mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. PTN không giữ mẫu vật liệu sau khi trả kết quả thử nghiệm.
 (*) Phép thử được Tiến công nhận.


Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề hạn chế, tồn tại (tiếp)


-Thiếu bằng chứng, hồ sơ thực hiện quá trình phân tích, xử lý số liệu trong PTN (thiếu Biên bản thử nghiệm, tính toán kết quả; không lưu trữ và truy xuất được dữ liệu gốc...);

- Phiếu trả kết quả cho khách hàng còn thiếu thông tin về phương pháp QT&PTMT;

Số báo: BM - 01 - KQTN
 Ngày ban hành: 7/7/2014
 Lần ban hành: 01
 Số trang: 1/1



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 0337/2014/KQTN.TTUD



1. Tên mẫu của khách hàng: **KK₂**, Không khí tại nhà dân gần nhất.
 2. Loại mẫu và mã hóa: **KHÔNG KHÍ (KK.114)**
 3. Người lấy mẫu: **Trương Thái Kha**

5. Tình trạng mẫu: Bình thường
 6. Ngày nhận mẫu: 17/4/2014 Ngày thử nghiệm: 17/4/2014 Ngày trả kết quả: 24/4/2014

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐVT	KẾT QUẢ
01	Ön	đBA	68
02	Bụi	mg/m ³	0,1758
03	SO ₂	mg/m ³	0,105
04	NO ₂	mg/m ³	0,095
05	CO	mg/m ³	12,50

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÒNG PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Tình hình thẩm định, chứng nhận

3. Một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại (tiếp)

- Phân tích mẫu CTNH, CTR: thiếu phương pháp, thiết bị xử lý mẫu;
- Phân tích mẫu kim loại nặng Pb và Cd, sử dụng AAS_chế độ Flame đo trực tiếp không đảm bảo độ nhạy theo quy định tại các QCVN hiện hành;
- Thông số vi sinh: thực hiện theo một phương pháp (ví dụ, phương pháp màng) nhưng trả kết quả theo đơn vị đo của một phương pháp khác (phương pháp ống) hoặc thực hiện theo phương pháp ống nhưng trả kết quả với đơn vị là 0 MPN...;
- Việc hiệu chuẩn thiết bị chưa được thực hiện tốt:
 - Sử dụng nhiều hơn 1 bộ thiết bị để QT&PT nhưng chỉ hiệu chuẩn 1 thiết bị;
 - Tem và GCN hiệu chuẩn đã hết hiệu lực;
 - Các điểm nồng độ hiệu chuẩn quá xa so với giá trị mẫu môi trường;
 - Chọn đơn vị hiệu chuẩn không có đủ điều kiện thực hiện...

Kết quả đạt được

- Nâng cao chất lượng của hoạt động quan trắc môi trường nói chung và của hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường nói riêng;
- Nâng cao nhận thức cho lãnh đạo và cán bộ của các tổ chức thực hiện quan trắc môi trường về tầm quan trọng của chất lượng số liệu quan trắc môi trường;
- Công tác đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường được quan tâm, thực hiện tốt hơn;
- Chấn chỉnh lại hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường vốn rất lộn xộn trong thời gian trước đây;
- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và sân chơi bình đẳng cho các tổ chức cung cấp hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Sàng lọc các tổ chức không có đủ điều kiện nhưng vẫn tham gia hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do trước đây chủ yếu chỉ cạnh tranh về giá;
- Tạo cơ sở để thực hiện đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ công;
- Góp phần thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa hoạt động quan trắc môi trường.

Định hướng trong thời gian tới

- Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị định số 127/2014/NĐ-CP và Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN



Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS

Định hướng trong thời gian tới

- Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị định số 127/2014/NĐ-CP và Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS
(Cấp lần:)

Tên tổ chức:
.....

Trụ sở chính:
.....

Quyết định số:...../QĐ-BTNMT ngày.....tháng.....năm.....
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:
Họ và tên: Chức vụ:

CMND/Hộ chiếu số:

Cấp ngày tháng năm

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm
Từ ngàytháng.....năm.....
Đến ngày.....tháng.....năm.....
(Gia hạn lần:.....) (nếu có)

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Nước mặt	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Nước thải	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Nước dưới đất	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Nước mưa	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Phông xạ trong nước	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Nước biển	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	Đo tại hiện trường:.....thông số
2. Khí:	Lấy mẫu:.....thông số	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Không khí xung quanh	Lấy mẫu:.....thông số	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Không khí môi trường lao động	Lấy mẫu:.....thông số	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Khí thải	Lấy mẫu:.....thông số	Đo tại hiện trường:.....thông số
- Phông xạ trong không khí	Lấy mẫu:.....thông số	Đo tại hiện trường:.....thông số
3. Đất	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	
4. Trầm tích	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	
5. Chất thải	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	
6. Bùn	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	
7. Đa dạng sinh học	Lấy mẫu <input type="checkbox"/>	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:thông số
- Nước mặtthông số
- Nước thảithông số
- Nước dưới đấtthông số
- Nước mưathông số
- Phông xạ trong nướcthông số
- Nước biểnthông số
2. Khí:thông số
- Không khí xung quanhthông số
- Không khí môi trường lao độngthông số
- Khí thảithông số
- Phông xạ trong không khíthông số
3. Đấtthông số
4. Trầm tíchthông số
5. Chất thảithông số
6. Bùnthông số
7. Đa dạng sinh họcthông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các Thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số:/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

BỘ TRƯỞNG

Định hướng trong thời gian tới

- Tổ chức việc đánh giá, kiểm tra định kỳ mỗi năm một lần hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết nhằm bảo đảm mọi hoạt động của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đã được chứng nhận được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về chứng nhận.
- Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4 theo Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 1209/QĐ-BTNMT ngày 19/5/2015 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ TN&MT năm 2015, định hướng đến năm 2020.
- Tiếp tục tham mưu cho Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các Văn bản QPPL, tăng cường đào tạo/tập huấn kỹ thuật trong lĩnh vực quan trắc môi trường.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!



Mọi thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với Cơ quan thường trực thẩm định:

- Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường
- Email: tothuongtruc27@cem.gov.vn;
- Website: <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>